TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tân An, ngày 16 tháng 10 năm 2018

Số: 97/2018/QĐST- HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN

Căn cứ Điều 397, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 98/2018/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Số 95/8 N, phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

2/ Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Số 137/55 A, phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hoàng C được xác lập vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo qui định Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi chung sống giữa bà D và ông C có phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn làm phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[2] Xét tình cảm giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hoàng C đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của bà D và ông C là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nghĩ nên chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hoàng C thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 18/6/2012 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 15/5/2014. Khi ly hôn, bà D và ông C thỏa thuận giao con chung Nguyễn Hoàng K cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Hoàng S cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông C và bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau do không có yêu cầu. Xét việc thỏa thuận nuôi con chung giữa bà D và ông C là tự nguyện và phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình, nghĩ nên công nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hoàng C xác định không có nên không đề cập.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Nguyễn Thị D đồng ý nộp toàn bộ lệ phí theo qui định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hoàng C tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31 vào sổ Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Long An ký cấp ngày 04 tháng 4 năm 2011 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hoàng C thống nhất thỏa thuận ông Nguyễn Hoàng C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng K, bà Nguyễn Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng S, ông C và bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau do không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hoàng C xác định không có nên không đề cập.

- Về các vấn đề khác: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hoàng C xác định không có nên không đề cập.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002435 ngày 24/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An thành lệ phí giải quyết việc dân sự. Bà D đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPTA;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Huỳnh Thị Phượng